

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

ĐOÀN SƠN ANH

**HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG
TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP
TẠI NGÂN HÀNG VIỆT Á
CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học : **PGS.TS. VÕ THỊ THÚY ANH**

Phản biện 1: **PGS.TS LÂM CHÍ DŨNG**

Phản biện 2: **PGS.TS TRẦN THỊ HÀ**

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 9 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Rủi ro trong hoạt động tín dụng nói chung và trong hoạt động cho vay nói riêng được biết đến như một đặc thù, là yếu tố tất yếu khách quan, là lĩnh vực có mức độ rủi ro lớn nhất trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Đặc biệt, khi hoạt động tín dụng đã và đang là một trong những hoạt động kinh doanh đem lại nguồn thu chủ yếu cho các ngân hàng thương mại (NHTM). Vì vậy, rủi ro tín dụng nếu xảy ra sẽ tác động rất lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của mỗi tổ chức tín dụng, cao hơn nó tác động ảnh hưởng đến hệ thống ngân hàng và nền kinh tế.

Những năm gần đây, trong bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước với nhiều bất ổn, hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp liên tục gặp nhiều khó khăn. Các NHTM Việt Nam nói chung và Ngân hàng TMCP Việt Á-Chi nhánh Quảng Ngãi nói riêng vì thế gặp rất nhiều rủi ro trong hoạt động cho vay và thu nợ, nợ xấu đang ở mức cao. Thực tiễn hoạt động tín dụng của ngân hàng trong thời gian qua cũng cho thấy rủi ro tín dụng trong cho vay chưa được kiểm soát một cách hiệu quả. Chính vì vậy, yêu cầu cấp bách đặt ra là rủi ro tín dụng phải được quản lý và kiểm soát chặt chẽ để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro có thể xảy ra, giảm thiểu các thiệt hại phát sinh từ rủi ro tín dụng và tăng lợi nhuận của ngân hàng. Góp phần nâng cao uy tín và tạo ra lợi thế của ngân hàng trong cạnh tranh.

Xuất phát từ thực tế đó, tôi đã chọn đề tài: “*Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Việt Á-Chi nhánh Quảng Ngãi*” làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục tiêu của đề tài

- Làm rõ và hệ thống hóa lý luận về hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM.

- Đánh giá thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Việt Á- CN Quảng Ngãi.

- Đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Việt Á- CN Quảng Ngãi.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Những vấn đề về lý thuyết và thực tiễn liên quan đến công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Việt Á-CN Quảng Ngãi.

Phạm vi nghiên cứu: Công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Việt Á-CN Quảng Ngãi trong giai đoạn 2010-2012.

4. Phương pháp nghiên cứu

Vận dụng những nghiên cứu của các đề tài đi trước, kết hợp với những phương pháp tổng hợp, thống kê, so sánh, phân tích...đi từ cơ sở lý thuyết đến thực tiễn nhằm giải quyết và làm sáng tỏ vấn đề trong việc hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Việt Á-CN Quảng Ngãi.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài được chia thành 3 chương như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận cơ bản về hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại.

Chương 2. Thực trạng về hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Việt Á – Chi nhánh Quảng Ngãi.

Chương 3. Một số giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Việt Á – Chi nhánh Quảng Ngãi.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NHTM

1.1.1. Cho vay của NHTM

a. Khái niệm cho vay [4, tr19]

Cho vay là một quan hệ giao dịch giữa hai chủ thể (NHTM và người vay), trong đó một bên (NHTM) chuyển giao tiền hoặc tài sản cho bên kia (người vay) sử dụng trong một thời gian nhất định, đồng thời bên nhận tiền hoặc tài sản cam kết hoàn trả vốn (gốc và lãi) cho bên vay vô điều kiện theo thời hạn đã thỏa thuận.

b. Phân loại cho vay [4, tr20]

- Dựa vào thời hạn vay
- Dựa vào mục đích sử dụng vốn
- Dựa vào hình thức bảo đảm tiền vay
- Dựa vào đối tượng khách hàng
- Dựa vào phương thức cho vay

1.1.2. Cho vay doanh nghiệp của NHTM

a. Khái niệm doanh nghiệp

b. Đặc điểm cho vay doanh nghiệp

- Đặc điểm chung của hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam là có quy mô tài sản và nguồn vốn nhỏ, tỷ lệ nợ so với vốn chủ sở hữu cao.

- Trình độ phát triển của các doanh nghiệp không đồng đều, lĩnh vực hoạt động rộng lớn và ở nhiều ngành nghề khác nhau.

- Các khoản cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp thường có nhu cầu vốn lớn. Những khoản vay trung và dài hạn đối với doanh nghiệp thường có độ rủi ro cao. Xếp hạng tín nhiệm của các doanh nghiệp trong nước hiện nay còn thấp.

1.2. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY CỦA NHTM

1.2.1. Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay

Rủi ro tín dụng trong cho vay là những rủi ro do khách hàng vay không thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng, với biểu hiện cụ thể là khách hàng chậm trả nợ, trả nợ không đầy đủ hoặc không trả nợ khi đến hạn các khoản gốc và lãi vay, gây ra những tổn thất về tài chính và khó khăn trong hoạt động kinh doanh của NHTM.

1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng trong cho vay [1]

Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro, ta có thể phân chia thành các 2 loại rủi ro gồm

- *Rủi ro giao dịch*
- *Rủi ro danh mục*

1.2.3. Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng trong cho vay

a. Nguyên nhân khách quan

- Môi trường kinh tế, chính trị, xã hội trong nước
- Môi trường kinh tế, chính trị thế giới

b. Nguyên nhân chủ quan

- Nguyên nhân từ phía khách hàng
- Nguyên nhân từ phía ngân hàng

1.2.4. Thiệt hại do rủi ro tín dụng trong cho vay

a. Đối với ngân hàng

- Làm giảm lợi nhuận ngân hàng
- Làm giảm khả năng thanh toán của ngân hàng
- Làm giảm uy tín của ngân hàng
- Nguy cơ dẫn đến phá sản ngân hàng

b. Đối với kinh tế - xã hội

Hoạt động của ngân hàng mang tính xã hội hóa cao nên một khi rủi ro tín dụng trong cho vay xảy ra đối với ngân hàng thì nó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế-xã hội như: an ninh, chính trị, xã hội, thất nghiệp, lạm phát, tệ nạn xã hội nảy sinh.

1.3. HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP

1.3.1. Quan điểm về hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM là việc các NHTM thực hiện những biện pháp phòng ngừa và xử lý nhằm giảm bớt tổn thất của những rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.

Hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của NHTM bao gồm những nội dung sau:

1.3.2. Nội dung của hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

a. Những biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Đa dạng hóa cơ cấu cho vay doanh nghiệp
- Xây dựng và tổ chức thực hiện cho vay theo quy trình cho vay
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin, đánh giá và xếp loại khách hàng
- Thực hiện xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp vay vốn ngân hàng
- Thẩm định hồ sơ vay và phân tích tín dụng
- Theo dõi, giám sát việc sử dụng vốn vay
- Phân tán rủi ro
- Hạn chế cho vay

b. Những biện pháp xử lý rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Thực hiện phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng và xử lý rủi ro
- Xử lý các khoản vay có vấn đề: Có hai sự lựa chọn tổng quát là khai thác hoặc thanh lý .

1.3.3. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả của công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Để có thể đánh giá được đúng kết quả của công tác hạn chế rủi ro

tín dụng trong cho vay, các NHTM thường dựa trên một số chỉ tiêu chính sau:

a. Chỉ tiêu về mức giảm tỷ lệ nợ xấu

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}}$$

Chỉ tiêu này càng cao cho thấy rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng càng cao.

b. Chỉ tiêu về mức giảm tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn

$$\text{Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn} = \frac{\text{Nợ có khả năng mất vốn}}{\text{Tổng dư nợ}}$$

Nợ có khả năng mất vốn là nợ nhóm 5 gồm những khoản nợ được đánh giá là không có khả năng thu hồi, mất vốn.

c. Chỉ tiêu về mức giảm tỷ lệ xóa nợ ròng

$$\text{Tỷ lệ xóa nợ ròng} = \frac{\text{Xóa nợ ròng}}{\text{Tổng dư nợ}}$$

Trong đó:

$$\text{Xóa nợ ròng} = \text{Dư nợ các khoản vay đã xóa nợ vì rủi ro} - \text{Giá trị các khoản thu bù đắp thiệt hại}$$

Chỉ tiêu này đánh giá khả năng thu nợ từ các khoản nợ đã chuyển ra ngoại bảng và đang được ngân hàng sử dụng các biện pháp mạnh để thu hồi.

d. Chỉ tiêu tỷ lệ trích lập dự phòng

$$\text{Tỷ lệ trích lập DPRRTD} = \frac{\text{DPRRTD được trích lập}}{\text{Tổng dư nợ}}$$

Nếu dự phòng rủi ro tín dụng trong cho vay cao tức là tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ cũng cao và ngược lại.

e. Sự thay đổi cơ cấu nhóm nợ xấu

Là sự tăng giảm các khoản nợ xấu nhóm 3, 4 và 5. Khi các khoản nợ xấu có chiều hướng tăng nợ nhóm 3 nhưng nợ nhóm 4, 5 lại giảm đi thì đây là sự thay đổi các nhóm nợ xấu theo chiều hướng tích cực. Và ngược lại.

1.3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp [5]

Để hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp đạt hiệu quả cao thì ngân hàng thực hiện các biện pháp phòng ngừa và xử lý, tuy nhiên các biện pháp này cũng chịu nhiều sự tác động bởi các yếu tố như:

- **Các nhân tố bên trong ngân hàng như:** Quy trình tín dụng, công tác tổ chức ngân hàng, phẩm chất và trình độ cán bộ tín dụng, kiểm soát nội bộ, hệ thống thông tin ngân hàng.

- **Các nhân tố bên ngoài:** Những nhân tố thuộc về quản lý vĩ mô của nhà nước, môi trường kinh tế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong kinh doanh ngân hàng việc đương đầu với rủi ro trong cho vay là điều không thể tránh khỏi được. Vấn đề là làm thế nào để hạn chế rủi ro này ở một mức thấp nhất có thể chấp nhận được. Chương 1 của luận văn đã khái quát các vấn đề cơ bản về rủi ro trong cho vay doanh nghiệp cũng như đề cập đến các biện pháp phòng ngừa và xử lý nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro trong cho vay, làm cơ sở cho các chương tiếp theo của luận văn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á – CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á – CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ các phòng ban

Bao gồm 1 Giám đốc, 1 phó giám đốc, 5 phòng ban, 5 phòng giao dịch và 1 quỹ tiết kiệm.

2.1.3. Khái quát tình hình kinh doanh của Ngân hàng Việt Á – CN Quảng Ngãi trong thời gian qua

Bảng 2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012
Tổng tài sản	1033	1508	1596	1630
Vốn huy động	641,406	964,342	1200,913	1320,531
Dư nợ cho vay	362,167	513,687	407,919	350,152
LNTT	7,9	11,3	21	32,5

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)

Qua phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh trong các năm 2009-2012 còn khó khăn nhưng nhìn chung trong dài hạn sẽ có sự tăng trưởng rõ rệt và lợi nhuận gia tăng ổn định qua các năm.

2.2. TÌNH HÌNH CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á-CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI TRONG GIAI ĐOẠN 2010-2012

Bảng 2.2. Dư nợ cho vay doanh nghiệp

ĐVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng dư nợ	513.687	407.919	350.152
Dư nợ cho vay DN	204.764	156.061	117.045
% dư nợ cho vay DN	39,86	38,25	33,43

(Nguồn: Báo cáo tín dụng của NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)

- Xét về cơ cấu cho vay doanh nghiệp, một số đặc điểm chính như sau:

Bảng 2.3. Cơ cấu cho vay doanh nghiệp

DVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
1. Tổng dư nợ cho vay DN	204.764	100	156.061	100	117.045	100
2. Cơ cấu dư nợ						
2.1. Theo kỳ hạn						
+ Ngắn hạn	109.103	53,28	67.345	43,15	46.618	39,83
+ Trung, dài hạn	95.661	46,72	88.716	56,85	70.427	60,17
2.2. Ngành kinh tế						
+ TM & DV	70.447	34,4	38.180	24,46	29.495	25,2
+ NN & TS	36.827	17,98	34.870	22,34	27.930	23,86
+ CN & XD	97.490	47,62	83.011	53,2	59.620	50,94
2.3. Theo phương thức cho vay						
+ Cho vay từng lần	86.103	42,05	34.881	22,35	30.632	26,17
+ Cho vay hạn mức	55.334	27,02	65.365	41,88	45.928	39,24
+ Cho vay dự án	63.327	30,93	55.815	35,77	40.485	34,59

(Nguồn: Báo cáo tín dụng của NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)

Nhận xét

Hoạt động cho vay doanh nghiệp của Chi nhánh trong thời gian có một số điểm đáng chú ý như: Tăng trưởng trong dư nợ cho vay doanh nghiệp không có sự thay đổi nhiều, tuy nhiên do ảnh hưởng một số khó khăn của nền kinh tế nên đã có một vài sự chuyển dịch trong cơ cấu cho vay doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung, hoạt động cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh cũng đã được duy trì ở mức ổn định.

2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á-CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI

2.3.1. Bối cảnh hoạt động của ngân hàng

a. Tình hình kinh tế chung và hoạt động doanh nghiệp

b. Tín dụng ngân hàng

2.3.2. Những biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Việt Á- CN Quảng Ngãi

a. Đa dạng hóa cơ cấu cho vay doanh nghiệp

Công tác đa dạng hóa trong cho vay doanh nghiệp đã được Chi nhánh quan tâm, tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả nhất, phù hợp với nguồn lực hiện tại của Chi nhánh, cũng như tình hình phát triển kinh tế trên địa bàn.

b. Xây dựng và tổ chức thực hiện cho vay theo quy trình cho vay

Quy trình cho vay quy định việc cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp phải thông qua 3 bộ phận độc lập là: Quan hệ khách hàng, Quản lý tín dụng và Quản lý nợ.

c. Thực hiện xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp vay vốn ngân hàng

Việc triển khai thực hiện XHTN doanh nghiệp đã giúp cho CBTD có cái nhìn tổng thể, có những nhận định về tình hình tài chính, cũng như mức độ rủi ro cho vay của những khách hàng đang có quan hệ tín dụng tại VAB. Qua đó, giúp cho Chi nhánh nâng cao được khả năng phòng ngừa rủi ro tín dụng, hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra.

d. Thu thập thông tin phục vụ cho đánh giá, xếp loại khách hàng

Nguồn thông tin để XHTN khách hàng còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng nên đã ảnh hưởng đến kết quả xếp hạng, không phản ánh chính xác mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp trong thời gian qua tại Chi nhánh.

e. Thực hiện thẩm định hồ sơ vay và phân tích tín dụng

- Kiểm tra hồ sơ và mục đích vay vốn
- Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

f. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay

- CBTD thực hiện theo dõi và giám sát việc sử dụng vốn vay của khách hàng tại Chi nhánh. Phát hiện và xử lý các trường hợp có dấu hiệu rủi ro

2.3.3. Những biện pháp xử lý rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Việt Á- CN Quảng Ngãi

a. Thực hiện phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng và xử lý rủi ro

Bảng 2.6. Trích lập dự phòng và xử lý rủi ro trong cho vay doanh nghiệp

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1. Trích lập dự phòng	3.973	2.891	2.157
+ <i>Dự phòng chung</i>	<i>2.701</i>	<i>1.012</i>	<i>874</i>
+ <i>Dự phòng cụ thể</i>	<i>1.272</i>	<i>1.879</i>	<i>1283</i>
2. Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro	753	692	380
3. Thu hồi nợ	1.249	965	690

(Nguồn: Báo cáo tín dụng của NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)

Chi nhánh đã thực hiện việc trích lập dự phòng theo quy định của NHNN nhằm thực hiện bù đắp tổn thất khi xảy ra rủi ro tín dụng cũng như hoạt động cho vay doanh nghiệp.

b. Xử lý khoản vay có vấn đề trong cho vay doanh nghiệp thông qua biện pháp khai thác.

➤ *Biện pháp khai thác*

Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hỗ trợ tiếp vốn cho doanh nghiệp...được xem là giải pháp nhiều mục tiêu, vừa cải thiện nợ xấu ngân hàng, vừa giúp doanh nghiệp có điều kiện ổn định sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

Bảng 2.7. Kết quả hoạt động khai thác trong cho vay doanh nghiệp*DVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
CV tiếp vốn khách hàng DN	930	745	647
Miễn, giảm lãi	227	164	124
Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ	1.894	2.865	2.223
Số DN được cơ cấu lại thời hạn trả nợ	9	15	10

(Nguồn: Báo cáo tín dụng của NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)➤ *Biện pháp thanh lý***Bảng 2.8. Kết quả thu hồi nợ từ xử lý tài sản bảo đảm của Chi nhánh***DVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Thu hồi nợ từ xử lý TSĐB	830	655	510

(Nguồn: Báo cáo tín dụng của NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)

Trong thời gian qua, ban lãnh đạo chùng CBTD của Chi nhánh luôn nỗ lực hết sức để khắc phục những tồn tại cũ, làm lành mạnh các khoản nợ xấu, đặc biệt là các khoản nợ bị đóng băng ở tài sản thế chấp. Đối với tài sản thế chấp là nhà cửa đất đai cần phải xử lý hiện nay của Chi nhánh thì gặp nhiều vướng mắc khó khăn, khiến cho việc xử lý tiến hành một cách chậm trễ.

2.3.4. Đánh giá kết quả công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Việt Á-CN Quảng Ngãi

Với những công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp được chi nhánh nỗ lực triển khai trong thời gian vừa qua. Kết quả đạt được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

Bảng 2.9. Cơ cấu nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Việt Á- CN Quảng Ngãi

DVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Số Tiền	Tỷ trọng	Số Tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Dư nợ xấu	3.611	2,52	4.884	2,39	3.675	2,35	3.417	2,91
Nợ nhóm 3	2.939	2,05	3.516	1,72	2.051	1,31	2.278	1,95
Nợ nhóm 4			564	0,28	288	0,18	201	0,21
Nợ nhóm 5	672	0,47	804	0,39	1.336	0,86	998	0,85

(Nguồn: Báo cáo tín dụng của NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)

Chi nhánh đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro nhằm giảm thiểu nợ xấu như: Đánh giá khách hàng và phân loại nợ chính xác theo thông lệ quốc tế; kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng tới từng khoản vay, từng khách hàng; hạn chế cho vay những khách hàng có nợ xấu; tích cực đôn đốc thu hồi nợ xấu; xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ; cơ cấu lại các khoản nợ, xóa nợ.... Cụ thể mức giảm các chỉ tiêu này như sau:

a. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp

Bảng 2.10. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu trong cho vay doanh nghiệp

DVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Dư nợ xấu	4.884	3.675	3.417
Tỷ lệ nợ xấu	2,39	2,35	2,91
Mức giảm tỷ lệ nợ xấu so với năm trước	-0,54	-0,04	0,56

(Nguồn: Báo cáo tín dụng của NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)

b. Mức giảm tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn trong cho vay doanh nghiệp

Bảng 2.11. Mức giảm tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn trong cho vay doanh nghiệp

ĐVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Nợ có khả năng mất vốn	804	1.336	998
Tỷ lệ Nợ có khả năng mất vốn	0,39	0,86	0,85
Mức giảm tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn so với năm trước	- 0,08	0,47	-0,01

(Nguồn: Báo cáo tín dụng của NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)

c. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng trong cho vay doanh nghiệp

Bảng 2.12. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng trong cho vay doanh nghiệp

ĐVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	2012
Xóa nợ rỗng	296	0	0
Tỷ lệ xóa nợ rỗng	0,14	0	0
Mức giảm tỷ xóa nợ rỗng so với năm trước	-0,31	-0,14	0

(Nguồn: Báo cáo tín dụng của NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)

d. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng trong cho vay doanh nghiệp

Bảng 2.13. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng trong cho vay doanh nghiệp

ĐVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Trích lập dự phòng	3.973	2.891	2.157
Tỷ lệ trích lập dự phòng	1,94	1,85	1,84
Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng so với năm trước	0,57	- 0,09	-0,01

(Nguồn: Báo cáo tín dụng của NH Việt Á-CN Quảng Ngãi)

2.3.5. Đánh giá chung trong công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Việt Á-CN Quảng Ngãi trong thời gian qua

a. Những kết quả đạt được

- Chi nhánh đã đánh giá được tầm quan trọng của công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp và đã tích cực thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao khả năng phòng ngừa và phát hiện rủi ro.

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn nghiệp vụ tín dụng do ngân hàng tổ chức để nâng cao trình độ thẩm định phương án, dự án đầu tư cho CBTD.

- Đa dạng hoá trong hoạt động cho vay doanh nghiệp,

- Hệ thống thông tin tín dụng ngày càng được hoàn thiện.

- Chi nhánh thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm nợ xấu, kiểm soát tín dụng chặt chẽ, chú trọng đến chất lượng hơn là tăng trưởng dư nợ.

b. Những mặt tồn tại

- Chất lượng khoản vay còn nhiều vấn đề đáng lo ngại, các khoản nợ dưới chuẩn còn ở mức cao, trong khi đó tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn ngày càng phát sinh thêm.

- Chất lượng hệ thống thông tin phục vụ cho công tác đánh giá, thẩm định khách hàng nhằm phòng ngừa hạn chế rủi ro tuy có được cải thiện nhiều song hiệu quả đạt được chưa cao, chưa như mong muốn.

- Sự tuân thủ quy trình tín dụng của Chi nhánh có những thời điểm chưa nghiêm và thiếu thận trọng.

- Quá trình kiểm tra giám sát sau khi cho vay vẫn chưa đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa được chuẩn bị kịp thời, số lượng cán bộ chủ chốt để đáp ứng cho hoạt động kinh doanh còn thiếu, đặc biệt cán bộ làm công tác tín dụng.

c. Nguyên nhân của những tồn tại

➤ *Nguyên nhân khách quan*

- Đến từ tình hình kinh tế chung

- + Đầu tư và tiêu dùng giảm, lạm phát gia tăng.
- + Khủng hoảng kinh tế thế giới, khủng hoảng nợ công ở Châu Âu
- + Áp lực cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài rất lớn, trong khi đó khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước chưa cao.

- Đến từ doanh nghiệp

- + Giá cả nguyên liệu đầu vào tăng cao
- + Sức mua của người tiêu dùng và sức mua của nền kinh tế nói chung bị giảm sút. Nhiều doanh nghiệp có lượng hàng tồn kho tăng lên rất nhiều.
- + Do sự kéo giảm dây chuyền từ doanh nghiệp này lây lan sang doanh nghiệp khác.

- Đến từ ngân hàng

- + Tín dụng tăng trưởng chậm, các doanh nghiệp đã và đang hạn chế mở rộng sản xuất kinh doanh.
- + Chất lượng tín dụng bị ảnh hưởng.
- + Tình hình thị trường bất động sản vẫn nhiều biến động, chưa khởi sắc.

➤ *Nguyên nhân chủ quan*

*** Nguyên nhân từ phía khách hàng**

- Hạn chế về nguồn lực tài chính của doanh nghiệp
- Khả năng quản lý kinh doanh kém
- Khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích
- Sự thiếu trung thực của khách hàng

*** Nguyên nhân từ phía ngân hàng**

- Chi nhánh hiện chưa có một hệ thống cơ sở dữ liệu riêng, đáng tin cậy và đầy đủ.

- Cùng với đó, hiện nay do chưa có khung pháp lý quy định rõ ràng về đánh giá xếp hạng khách hàng.
- Rủi ro phát sinh từ Chính sách tín dụng của ngân hàng.
- Sự chỉ đạo của Lãnh đạo Chi nhánh đối với quản lý rủi ro tín dụng cũng chưa thật sự sát sao.
- Trình độ cán bộ tín dụng chưa đồng đều, còn yếu kém.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Đã tập trung phân tích thực trạng hoạt động cho vay doanh nghiệp và thực trạng phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp. Qua đó, đưa ra các đánh giá, nhận xét về những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó. Đây chính là cơ sở để đưa ra các giải pháp, kiến nghị để giải quyết những vấn đề còn tồn tại của ngân hàng nhằm phát triển hoạt động cho vay doanh nghiệp theo hướng an toàn và hiệu quả hơn.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á – CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ MỤC TIÊU HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á - CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

*** Định hướng phát triển**

Đẩy mạnh và tập trung chỉ đạo nâng cao toàn diện chất lượng các mặt hoạt động kinh doanh ngân hàng, đẩy mạnh tăng trưởng toàn diện trên nền tảng bền vững, tập trung đầu tư phát triển dịch vụ, đào tạo

chuyên môn cho cán bộ. Đầu tư công nghệ để tạo đà phát triển cho các hoạt động dịch vụ, tăng trưởng cả về quy mô, chất lượng, đa dạng sản phẩm và tiện ích. Hoạt động tuân thủ luật pháp, tiếp cận áp dụng thông lệ chuẩn mực

*** Mục tiêu hạn chế rủi ro trong cho vay doanh nghiệp**

- Giảm thiểu rủi ro tín dụng trong cho vay.
- Phân tán rủi ro trong danh mục đầu tư tín dụng có định hướng.
- Giảm dần dư nợ các doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro
- Nâng cao chất lượng thẩm định và tăng cường kiểm soát, giám sát liên tục, toàn diện và kịp thời trong quá trình cấp tín dụng.
- Xây dựng cơ chế xử lý nợ xấu, hiệu quả
- Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hướng đến các chuẩn mực quốc tế trong quản trị rủi ro tín dụng

3.2. CÁC GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á-CN QUẢNG NGÃI

3.2.1. Các giải pháp nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

a. Đa dạng hóa cơ cấu cho vay

Đa dạng hóa cơ cấu cho vay là cách để ngân hàng phân tán rủi ro, giảm thiểu được rủi ro cho vay, tạo cơ sở cho việc mở rộng phạm vi cho vay.

- Cho vay có quyền lựa chọn vốn hóa khoản vay trong doanh nghiệp

- Nắm bắt nhu cầu thị trường để đưa ra những hình thức tín dụng, dịch vụ mới phù hợp, thu hút khách hàng.

- Xác định được phạm vi đa dạng hóa hoạt động của ngân hàng, có thể mở rộng tín dụng, bù đắp rủi ro cho các khoản vay kém chất lượng.

b. Nâng cao chất lượng thẩm định và phân tích tín dụng

Thẩm định và phân tích tín dụng mục đích là để hiểu biết về khách

hàng, khả năng sinh lợi, phát hiện và đánh giá rủi ro để từ đó giảm thiểu rủi ro.

- Thực hiện phân tích và thẩm định tín dụng khách hàng kỹ lưỡng
- Yêu cầu các điều kiện tín dụng như tổng dư nợ vay và cơ cấu tài chính của khách hàng, nhằm đảm bảo mức độ an toàn trong kinh doanh.
- Cần chú trọng đến phân tích định lượng, lượng hóa mức độ rủi ro của khách hàng qua đánh giá các số liệu bên cạnh việc phân tích định tính.
- Đảm bảo thẩm định khách quan và chính xác giá trị tài sản bảo đảm thông qua một công ty định giá hoặc kiểm toán độc lập.
- Cần phối kết hợp chặt chẽ các điều kiện tín dụng trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo lợi ích thu được phải tương xứng với mức độ rủi ro.

c. Quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình giải ngân và sau cho vay

- Thực hiện giải ngân theo đúng các quyết định cấp tín dụng của cấp phê duyệt, đảm bảo việc sử dụng vốn vay có đầy đủ chứng từ chứng minh
- Trong kiểm tra tình hình sử dụng vốn, cần nghiêm túc thực hiện kiểm tra trên thực tế, có đánh giá về việc sử dụng vốn, về TSĐB của khách hàng.
- Cần phân tích và đánh giá kịp thời những dấu hiệu dẫn đến rủi ro.
- Theo dõi chặt chẽ các nguồn tiền của khách hàng trên cơ sở xây dựng cơ chế tra soát đối với từng loại món vay.

d. Tăng cường công tác thu thập thông tin và xử lý thông tin

- Thu thập thông tin: Thông qua việc gặp gỡ trực tiếp khách hàng; Từ các ngân hàng khác đã có quan hệ với người vay (thông tin từ CIC); từ báo chí, internet...
- Phân tích, xử lý thông tin: Thông qua việc đánh giá tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh; dự án/phương án SXKD của khách hàng.

e. Tiếp tục hoàn thiện khâu đánh giá xếp hạng tín nhiệm khách hàng

- Nâng cao nhận thức về XHTN
- Xây dựng hệ thống thông tin riêng của Chi nhánh
- Đẩy mạnh thực thi XHTN trong hoạt động tín dụng
- Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện XHTN

f. Hoàn thiện các biện pháp bảo đảm tiền vay

Một là, việc tuân thủ nghiêm túc các quy định, quy chế của Nhà nước và của Hội sở chính về các hình thức bảo đảm tiền vay được đặt lên hàng đầu.

Hai là, việc tuân thủ các quy định trên phụ thuộc vào ý thức chấp hành của mỗi cán bộ trong Chi nhánh.

Ba là, Chi nhánh cần chú trọng đến đối tượng và mục đích áp dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay.

3.2.2. Các giải pháp hạn chế, bù đắp tổn thất khi xảy ra rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

a. Yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo nợ vay

Ngay khi khoản vay có nguy cơ, dấu hiệu xuất hiện rủi ro, ngân hàng phải tìm mọi cách để tăng thêm tài sản đảm bảo

b. Áp dụng các biện pháp thích hợp để xử lý TSĐB thu hồi nợ vay

Trước hết, Chi nhánh cần thỏa thuận với khách hàng để giải quyết sao cho hai bên cùng có lợi, tiết kiệm được chi phí và thời gian xử lý tài sản.

Hai là, Ngân hàng cần cử các cán bộ trực tiếp quản lý và kiểm tra TSĐB sau khi cho vay một cách chặt chẽ.

Ba là, Chi nhánh cần tập trung chỉ đạo sát sao công tác xử lý TSĐB, trong đó cần sự phối hợp của chính quyền địa phương để việc xử lý tài sản được thực hiện một cách dễ dàng và nhanh chóng.

c. Thanh lý khoản nợ xấu cho các tổ chức mua bán nợ

Thanh lý nợ xấu thông qua tổ chức mua bán nợ như Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC), hay sắp tới là Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC). Ngân hàng không chỉ khơi thông nguồn vốn, làm sạch sổ sách, lành mạnh tình hình tài chính mà thậm chí, nếu xử lý tốt tài sản thế chấp, ngân hàng sẽ hạn chế rủi ro.

d. Thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng xử lý rủi ro một cách hiệu quả, hợp lý

+ *Phân loại nợ*: Thực hiện kết hợp phân loại nợ theo tiêu chí định lượng cùng với tiêu chí định tính.

+ *Trích lập dự phòng*: Xây dựng một quy trình phân loại nợ một cách chính xác và hiệu quả để từ đó tiến tới thực hiện trích lập dự phòng rủi ro theo thông lệ quốc tế tốt nhất nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng

+ *Sử dụng trích lập dự phòng*: Biện pháp này chỉ được áp dụng đối với các khoản nợ xấu, sau khi ngân hàng đã áp dụng hết các biện pháp mà vẫn không thu hồi được nợ.

3.2.3. Các giải pháp khác

a. Thu nợ có chiết khấu

Đây là hình thức giảm giá trị khoản nợ phải trả cho doanh nghiệp nợ, giá trị chiết khấu do ngân hàng và doanh nghiệp tự thoả thuận nhưng đi theo hướng có lợi cho doanh nghiệp nhằm thúc đẩy khách hàng thanh toán dứt điểm khoản nợ. Với biện pháp này, ngân hàng tuy chịu thiệt một chút nhưng cũng sớm thu hồi được một phần vốn và từng bước giải quyết dứt điểm với những khoản nợ tồn đọng lâu này.

b. Chuyển nợ xấu thành cổ phần, vốn góp

Việc chuyển nợ xấu thành cổ phần hoặc vốn góp có giá trị tương đương sẽ đem lại hiệu quả cao và nhanh chóng, hạn chế tổn thất, tiêu cực và ít tốn kém.

c. Nâng cao chất lượng về nhân sự

Ngân hàng cần phải có các giải pháp phát triển nguồn nhân lực cụ thể, giữ một vai trò rất quan trọng trong việc hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay. Một số nội dung trong giải pháp này là:

- + Chọn lựa những cán bộ có năng lực, có trình độ chuyên môn và đạo đức tốt để bố trí vào bộ phận tín dụng.

- + Bố trí đủ và phân công công việc phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của các CBTD lâu năm và mới.

- + Tăng cường công tác đào tạo, thực hiện đào tạo định kỳ, thường xuyên

- + Cần có chế độ chính sách sử dụng, đãi ngộ đủ hấp dẫn để thu hút sự đóng góp của những người giỏi, có tâm huyết với nghề.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Chính Phủ

- Cần ban hành chế độ kiểm toán bắt buộc đối với tất cả các doanh nghiệp.

- Xây dựng tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập

- Tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển thị trường mua bán nợ, thị trường bảo hiểm tín dụng để có thể giảm thiểu và phân tán rủi ro.

- Xây dựng hệ thống thông tin thống nhất về doanh nghiệp.

- Các cơ quan chức năng có thẩm quyền cần tạo điều kiện hỗ trợ ngân hàng thu hồi nợ. Hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế tạo ra hành lang pháp lý hỗ trợ cho hoạt động Ngân hàng.

3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các NHTM để tránh tình trạng cạnh tranh kém lành mạnh.

- Ngân hàng Nhà nước cần hoàn thiện các quy chế, quy định và môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng.

- Vấn đề thông tin tín dụng: NHNN cần có những quy định bắt buộc đối với tất cả các tổ chức tín dụng trong việc khai báo đầy đủ thông

tin tín dụng vào hệ thống thông tin tín dụng để hỗ trợ các ngân hàng trong việc quản lý điều hành tín dụng.

3.3.3. Đối với Hội sở ngân hàng Việt Á

Hội sở chỉ đạo, hỗ trợ và quản lý hoạt động của các chi nhánh, sẽ tạo điều kiện cho các chi nhánh hoạt động hiệu quả, góp phần làm vững mạnh cả hệ thống ngân hàng Việt Á. Chẳng hạn như :

+ Tổ chức nhiều hội thảo chuyên đề tín dụng giữa các cán bộ quản lý các chi nhánh, tạo điều kiện trao đổi kinh nghiệm công tác và nâng cao trình độ lẫn nhau.

+ Phối hợp chặt chẽ với NHNN để tổ chức có hiệu quả chương trình thông tin tín dụng, nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi thông tin, giúp các chi nhánh phòng ngừa rủi ro một cách tốt nhất.

+ Thống nhất trong việc thực hiện chính sách tín dụng với những định hướng phát triển trong dài hạn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ thực trạng rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng Việt Á- CN Quảng Ngãi trong thời gian vừa qua. Chương 3 đã trình bày một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh. Các giải pháp tập trung xử lý những tồn tại ảnh hưởng không tốt đến chất lượng tín dụng và nâng cao khả năng phòng ngừa rủi ro tín dụng của Ngân hàng Việt Á đề xuất sửa đổi về những quy định tín dụng, hỗ trợ thông tin...góp phần hoàn thiện công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay doanh nghiệp của ngân hàng của Ngân hàng TMCP Việt Á và hệ thống NHTM. Có thể thấy rằng rủi ro gắn liền với hoạt động tín dụng nói chung và hoạt động cho vay doanh nghiệp nói riêng, là tất yếu không thể tránh khỏi. Và hậu quả của rủi ro tín dụng thường rất nặng nề, ảnh hưởng đến thu nhập, gây thất thoát vốn, tổn hại đến uy tín và vị thế của ngân hàng. Vì vậy việc tìm kiếm và áp dụng phù hợp các biện pháp phòng ngừa và xử lý để có thể giảm thiểu thiệt hại tối đa khi rủi ro xảy ra là điều cần thiết.

Hoạt động tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của Ngân hàng Việt Á-CN Quảng Ngãi trong thời gian qua cho thấy, ngân hàng đã và đang tiếp cận với các chuẩn mực về đánh giá rủi ro tín dụng từ đó áp dụng nhiều biện pháp trong việc phòng ngừa và xử lý rủi ro một cách tích cực, hợp lý, hiệu quả nhằm giảm thiểu các thiệt hại phát sinh từ rủi ro trong cho vay đến mức thấp nhất và đảm bảo lợi nhuận cho ngân hàng.

Dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn về hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp, luận văn đi sâu nghiên cứu thực trạng và nguyên nhân, cũng như công tác phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Chi nhánh Việt Á Quảng Ngãi, chỉ ra những mặt còn hạn chế cần khắc phục. Từ đó, đã đưa ra được những giải pháp cụ thể để hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp trên cơ sở những quan điểm định hướng và mục tiêu trong giai đoạn phát triển sắp tới. Một số giải pháp nằm ngoài tầm quyết định của Ngân hàng Việt Á, tác giả đã đề xuất và kiến nghị NHNN và Chính phủ để hỗ trợ xây dựng chính sách và quy định tín dụng nhằm hạn chế rủi ro trong cho vay doanh nghiệp.